

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
XÃ TRÀ BÔNG

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 417/BC-UBND

Trà Bông, ngày 20 tháng 9 năm 2026

BÁO CÁO

Tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX và Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về công tác dân tộc

Kính gửi: Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Quảng Ngãi.

Thực hiện Công văn số 2048/SDTTG-DT ngày 17/9/2026 của Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Quảng Ngãi về việc báo cáo tổng kết, xây dựng báo cáo Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc. Ủy ban nhân dân xã Trà Bông trân trọng báo cáo cụ thể như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

1. Đặc điểm, điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và vai trò của đồng bào dân tộc thiểu số

1.1. Về điều kiện tự nhiên và hành chính: Xã Trà Bông được thành lập theo Nghị quyết số 1677/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội trên cơ sở sáp nhập 03 đơn vị hành chính: xã Trà Sơn, xã Trà Thủy và thị trấn Trà Xuân. Tổng diện tích tự nhiên là 139,428 km²; quy mô dân số toàn xã là 18.493 người với 4.474 hộ.

1.2. Về cơ cấu dân tộc: Địa bàn xã có sự đan xen sinh sống của các cộng đồng dân tộc Kinh, Co, H'rê, Mường, Hoa, Thái, Tày, Ê Đê, Khơ Me,..., trong đó hộ đồng bào dân tộc thiểu số chiếm 50,77% dân số toàn xã (9378 nhân khẩu). Xã thuộc khu vực III vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, với 3/13 thôn thuộc diện đặc biệt khó khăn và 8/13 thôn DTTS và MN.

1.3. Vị trí chiến lược: Trà Bông giữ vai trò là trung tâm khu vực phía Bắc tỉnh Quảng Ngãi, tiếp giáp với các xã lân cận và thành phố Đà Nẵng. Địa bàn có địa hình đồi núi dốc phức tạp, song đồng bào các dân tộc thiểu số luôn giữ vị trí chiến lược trọng yếu trong công cuộc xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội, bảo tồn bản sắc văn hóa và củng cố vững chắc thể trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới vùng miền núi của tỉnh.

2. Bối cảnh tình hình tác động

Trong giai đoạn vừa qua, bối cảnh tình hình trong nước và quốc tế có nhiều biến động sâu sắc. Quá trình hội nhập quốc tế và chuyển đổi số mạnh mẽ tạo ra những cơ hội lớn về giao thương, tiếp cận tri thức và tiến bộ công nghệ. Tuy nhiên, địa phương cũng đối mặt với không ít thách thức từ biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh; áp lực về nguồn lực đầu tư hạ tầng quy mô lớn sau sáp nhập địa giới

hành chính; cùng với sự chênh lệch về mức sống và thu nhập giữa vùng đồng bào dân tộc thiểu số với khu vực đồng bằng.

3. Những thuận lợi và khó khăn

3.1. Thuận lợi

Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và sự hướng dẫn, hỗ trợ của các sở, ban, ngành tỉnh, trực tiếp là Sở Dân tộc và Tôn giáo. Hệ thống chính trị ở cơ sở sau khi được kiện toàn từng bước ổn định, phát huy tinh thần đoàn kết, chủ động, đổi mới trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ. Các Chương trình mục tiêu quốc gia được quan tâm triển khai đồng bộ, góp phần huy động và sử dụng các nguồn lực, tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn.

3.2. Khó khăn

Địa bàn sau sáp nhập rộng, dân cư phân bố không tập trung, một số khu vực còn xa trung tâm, giao thông đi lại khó khăn; kết cấu hạ tầng thiết yếu mặc dù được quan tâm đầu tư nhưng chưa đồng bộ, nhất là tại các khu vực vùng sâu, vùng xa. Tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số còn cao, đời sống của một bộ phận người dân còn khó khăn; việc phát triển sản xuất, tạo sinh kế và nâng cao thu nhập còn hạn chế. Một bộ phận người dân còn phụ thuộc vào chính sách hỗ trợ của Nhà nước, việc chủ động phát huy nội lực, tổ chức sản xuất và cải thiện sinh kế chưa đồng đều.

II. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, TRIỂN KHAI VÀ THỂ CHẾ HÓA CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG VỀ CÔNG TÁC DÂN TỘC

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết

1.1. Công tác quán triệt, phổ biến

UBND xã Trà Bồng phối hợp với Ủy ban MTTQ Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt Nghị quyết số 24-NQ/TW và Kết luận số 65-KL/TW đến cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và Nhân dân trên địa bàn. Nội dung tuyên truyền được lồng ghép trong các hội nghị, cuộc họp ở cơ sở và thông qua hệ thống truyền thanh, Trang thông tin điện tử, các trang thông tin, mạng xã hội chính thức của địa phương, trong đó có Fanpage “Truyền thông Trà Bồng”. Qua đó, góp phần nâng cao nhận thức, tạo sự thống nhất trong tổ chức thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác dân tộc, nhất là trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

1.2. Công tác chỉ đạo, điều hành

Cấp ủy, chính quyền xã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và phân công trách nhiệm cụ thể cho các cơ quan, đơn vị, người đứng đầu và lãnh đạo UBND xã phụ trách từng lĩnh vực. Công tác dân tộc được lồng ghép, gắn với việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, giảm nghèo và thực hiện chính sách an sinh xã hội trên địa bàn. UBND xã chủ động xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các kế hoạch, chương trình, nhiệm vụ phù hợp với

tình hình thực tế; đồng thời thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, đánh giá kết quả thực hiện, kịp thời phối hợp tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc phát sinh từ cơ sở.

2. Công tác thể chế hóa, cụ thể hóa Nghị quyết và Kết luận

UBND xã chủ động rà soát, cụ thể hóa các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh về công tác dân tộc thành các nhiệm vụ, kế hoạch và giải pháp phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương; đồng thời tham mưu HĐND xã ban hành các nghị quyết thuộc thẩm quyền để tổ chức thực hiện.

Việc cụ thể hóa được gắn với các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo, hỗ trợ phát triển sản xuất, bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân, giữ gìn bản sắc văn hóa và bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn. Qua đó, từng bước nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về công tác dân tộc, phát huy vai trò, trách nhiệm của chính quyền cơ sở và tạo điều kiện huy động, lồng ghép, sử dụng hiệu quả các nguồn lực thực hiện chính sách đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU, TRỌNG TÂM

1. Công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật và củng cố khối đại đoàn kết

Công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân tộc được quan tâm đổi mới về nội dung và hình thức, từng bước phù hợp với đặc điểm địa bàn và đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số. Thông qua hệ thống truyền thanh cơ sở, các hội nghị, sinh hoạt cộng đồng và các kênh thông tin chính thống của địa phương, góp phần nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận trong Nhân dân; phát huy tinh thần đoàn kết, ý thức tự lực, tự cường, tích cực tham gia các phong trào thi đua, xây dựng nông thôn mới, phát triển sản xuất và nâng cao đời sống.

2. Phát huy nguồn lực, khai thác tiềm năng, phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội

2.1. Hạ tầng giao thông, thủy lợi, điện, nước

Nguồn lực từ các Chương trình mục tiêu quốc gia, ngân sách nhà nước và các nguồn lực hợp pháp khác được tập trung đầu tư, từng bước hoàn thiện kết cấu hạ tầng thiết yếu tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Một số công trình giao thông nông thôn, giao thông nội đồng, thủy lợi, điện và nước sinh hoạt được đầu tư, nâng cấp, sửa chữa, góp phần cải thiện điều kiện đi lại, sản xuất và sinh hoạt của người dân, từng bước thay đổi diện mạo khu vực nông thôn, miền núi.

2.2. Một số công trình, dự án trọng điểm

Xã tập trung rà soát nhu cầu, thực hiện quy hoạch, chuẩn bị đầu tư và triển khai các công trình thiết yếu phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Trong đó, chú trọng các công trình phục vụ dân sinh, như Khu tái định cư Kà Tinh, hệ

thống nước sinh hoạt tập trung tại các thôn, cơ sở vật chất trường học, điểm trường và nhà văn hóa thôn. Các công trình sau khi hoàn thành, đưa vào sử dụng góp phần đáp ứng nhu cầu thiết yếu của người dân và hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

3. Kết quả thực hiện các chính sách giảm nghèo, nâng cao mức sống và phát triển bền vững

3.1. Về giảm nghèo và sinh kế

Công tác giảm nghèo, hỗ trợ phát triển sinh kế vùng đồng bào dân tộc thiểu số được triển khai gắn với thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và các chính sách hỗ trợ của Nhà nước. Các mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, tạo việc làm và nâng cao thu nhập được quan tâm thực hiện phù hợp với điều kiện của địa phương, từng bước chuyển từ hỗ trợ trực tiếp sang khuyến khích người dân chủ động phát triển sản xuất, nâng cao khả năng tự chủ về sinh kế.

3.2. Về giáo dục, y tế, văn hóa

Về giáo dục: Mạng lưới trường, lớp trên địa bàn từng bước được củng cố; cơ sở vật chất, thiết bị dạy học được quan tâm đầu tư. Công tác duy trì sĩ số, huy động học sinh đến trường, nâng cao chất lượng giáo dục và thực hiện các chính sách hỗ trợ học sinh dân tộc thiểu số, học sinh có hoàn cảnh khó khăn được chú trọng.

Về y tế: Công tác chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số và các đối tượng thuộc diện chính sách, được quan tâm. Việc thực hiện chính sách bảo hiểm y tế, chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, phòng, chống suy dinh dưỡng và tuyên truyền vệ sinh phòng bệnh được triển khai theo quy định, góp phần nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ y tế cơ bản của người dân.

Về văn hóa và thực hiện nếp sống văn minh: Công tác bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là văn hóa của dân tộc Co, được quan tâm gắn với phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở. Công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện nếp sống văn minh, từng bước hạn chế các tập quán không còn phù hợp, phòng ngừa tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống được triển khai thông qua các hình thức phù hợp tại cộng đồng.

3.3. Về quốc phòng - an ninh

Công tác quốc phòng, an ninh vùng đồng bào dân tộc thiểu số được quan tâm, gắn xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân với thế trận an ninh nhân dân và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân. Chủ động nắm tình hình địa bàn, tăng cường tuyên truyền, vận động Nhân dân chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; kịp thời phát hiện, phối hợp giải quyết các vụ việc phát sinh ngay từ cơ sở, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

3.4. Về công tác cán bộ người dân tộc thiểu số

Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí và sử dụng cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số được quan tâm, từng bước đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Hiện nay, toàn xã có 13 cán bộ, công chức là người dân tộc thiểu số, trong đó dân tộc Co 12 người, dân tộc Hre 01 người.

UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 99/KH-UBND ngày 19/5/2026 về thực hiện Đề án “Phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2035” trên địa bàn xã, làm cơ sở để triển khai các nhiệm vụ về đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số trong thời gian tới.

3.5. Về tín ngưỡng, tôn giáo và bình đẳng giới

Công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật; tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của Nhân dân, đồng thời chủ động tuyên truyền, vận động chức sắc, chức việc, tín đồ và Nhân dân chấp hành pháp luật. Công tác bình đẳng giới, hỗ trợ phụ nữ dân tộc thiểu số tiếp cận thông tin, kiến thức, nâng cao năng lực và tham gia phát triển kinh tế - xã hội được quan tâm triển khai gắn với các chương trình, chính sách trên địa bàn.

3.6. Về phát huy vai trò người có uy tín

Đội ngũ người có uy tín, già làng, trưởng thôn và những người có ảnh hưởng tích cực trong cộng đồng tiếp tục được quan tâm, thực hiện đầy đủ các chính sách theo quy định. Vai trò của người có uy tín được phát huy trong tuyên truyền, vận động Nhân dân chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tham gia giữ gìn an ninh, trật tự, bảo tồn bản sắc văn hóa, xây dựng đời sống văn hóa và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc tại cộng đồng.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG, NGUYÊN NHÂN VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Đánh giá chung

Qua triển khai thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW và Kết luận số 65-KL/TW, công tác dân tộc trên địa bàn xã Trà Bồng đạt được những kết quả tích cực. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số từng bước được quan tâm đầu tư; các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, giảm nghèo, giáo dục, y tế, an sinh xã hội và bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa được triển khai, góp phần cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân. Công tác tuyên truyền, vận động có chuyển biến, khối đại đoàn kết toàn dân tộc tiếp tục được củng cố; quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội được giữ vững. Hệ thống chính trị ở cơ sở từng bước được kiện toàn, năng lực quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện chính sách dân tộc được nâng lên.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

2.1. Hạn chế:

Tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số còn cao; kết quả giảm nghèo ở một số hộ chưa thật sự bền vững.

Sản xuất còn nhỏ lẻ, quy mô hàng hóa chưa lớn, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm chưa đồng đều; việc khai thác tiềm năng, lợi thế về nông nghiệp, lâm nghiệp, dược liệu, văn hóa và du lịch còn hạn chế.

Một bộ phận người dân chưa chủ động trong phát triển sinh kế, còn phụ thuộc nhất định vào các chính sách hỗ trợ của Nhà nước

2.2. Nguyên nhân:

- *Khách quan:* Địa bàn rộng, địa hình chia cắt, dân cư phân bố không tập trung, giao thông đi lại tại một số khu vực còn khó khăn; điều kiện tự nhiên, thời tiết diễn biến bất thường, tác động của thiên tai và biến đổi khí hậu ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống. Điểm xuất phát kinh tế của vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn thấp, nguồn lực đầu tư còn hạn chế so với nhu cầu thực tế.

- *Chủ quan:* Công tác tổ chức thực hiện một số chính sách ở cơ sở có lúc còn chưa đồng đều; năng lực tham mưu, tổ chức thực hiện của một bộ phận cán bộ có mặt chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu trong tình hình mới. Công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong tuyên truyền, vận động và tổ chức thực hiện một số nhiệm vụ có thời điểm chưa thật sự chặt chẽ; việc nhân rộng các mô hình phát triển sản xuất, tạo sinh kế và huy động sự tham gia chủ động của người dân còn hạn chế.

3. Bài học kinh nghiệm

Thứ nhất, phải thường xuyên bám sát sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng; đề cao vai trò, trách nhiệm của chính quyền, người đứng đầu và phát huy tính chủ động, linh hoạt trong tổ chức thực hiện chính sách dân tộc phù hợp với đặc điểm địa bàn.

Thứ hai, lấy người dân làm chủ thể, tăng cường thực hiện dân chủ ở cơ sở, bảo đảm người dân được biết, được tham gia ý kiến, tham gia thực hiện, giám sát và thụ hưởng; đồng thời phát huy nội lực, khuyến khích người dân chủ động vươn lên, giảm dần sự phụ thuộc vào các chính sách hỗ trợ.

Thứ ba, công tác dân tộc phải gắn chặt với công tác dân vận; cán bộ, công chức phải sâu sát cơ sở, gần dân, lắng nghe và nắm bắt tâm tư, nguyện vọng chính đáng của Nhân dân, kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh ngay từ cơ sở.

Thứ tư, việc thực hiện chính sách dân tộc phải có trọng tâm, trọng điểm, gắn với phát huy tiềm năng, lợi thế của địa phương, nhất là phát triển sản xuất, tạo sinh kế, giảm nghèo bền vững, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống; đồng thời tăng cường phối hợp, lồng ghép và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

V. ĐỀ XUẤT MỤC TIÊU, PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ THỜI GIAN TỚI

Để thực hiện tốt Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX và Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về công tác dân tộc trong thời gian tới. UBND xã xác định một số mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ chủ yếu như sau:

1. Mục tiêu tổng quát

Khơi dậy mạnh mẽ nội lực, khát vọng vươn lên và phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế so sánh của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi sau sáp nhập; đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng sinh thái, tuần hoàn và tích hợp đa giá trị; thu hẹp nhanh khoảng cách về mức sống, thu nhập giữa đồng bào dân tộc thiểu số với khu vực đồng bằng; xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa - xã hội, giáo dục, y tế; củng cố vững chắc thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân và "thể trận lòng dân"; xây dựng hệ thống chính trị cơ sở trong sạch, vững mạnh, củng cố và nâng cao niềm tin tuyệt đối của đồng bào các dân tộc đối với Đảng và Nhà nước.

2. Các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030

2.1. Về kinh tế: Phần đầu tốc độ tăng trưởng kinh tế hằng năm duy trì ở mức cao; thu nhập bình quân đầu người của đồng bào dân tộc thiểu số tăng mạnh (hướng tới mục tiêu thu hẹp khoảng cách so với bình quân chung của tỉnh); tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số giảm bền vững theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn mới, phần đầu cơ bản không còn thôn đặc biệt khó khăn.

2.2. Về lao động - việc làm: Tỷ lệ lao động trong độ tuổi có việc làm đạt từ 80% trở lên; có từ 40% trở lên lao động người dân tộc thiểu số được đào tạo, định hướng chuyển đổi nghề nghiệp phù hợp với các lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch dịch vụ và nông nghiệp hàng hóa.

2.2. Về hạ tầng và an sinh: 100% các thôn có đường ô tô đến trung tâm được cứng hóa; 100% hộ dân được tiếp cận điện lưới quốc gia và các nguồn điện phù hợp; 100% đồng bào dân tộc thiểu số và hộ nghèo được cấp thẻ bảo hiểm y tế, tiếp cận dịch vụ y tế và giáo dục chất lượng cao.

3. Nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm

3.1. Đổi mới tư duy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tuyên truyền, vận động

Tiếp tục quán triệt sâu sắc, toàn diện các quan điểm, chủ trương của Đảng về công tác dân tộc trong tình hình mới; coi công tác dân tộc là nhiệm vụ chiến lược lâu dài, là trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị.

Đổi mới phương thức tuyên truyền, vận động theo hướng đa chiều, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số và mạng xã hội chính thống để chuyển tải thông tin nhanh chóng, chính xác đến từng khu dân cư, hộ gia đình.

Phát huy tối đa vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên, người đứng đầu; củng cố và phát huy hiệu quả thiết thực của đội ngũ người có uy tín, già làng trong

việc định hướng dư luận, vận động quần chúng xóa bỏ hủ tục lạc hậu, xây dựng nếp sống văn minh.

3.2. Tập trung huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng và thúc đẩy kinh tế hàng hóa

Lồng ghép hiệu quả các nguồn vốn từ các Chương trình mục tiêu quốc gia (phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững) để tập trung đầu tư có trọng tâm, trọng điểm cho hạ tầng thiết yếu: giao thông kết nối, thủy lợi phục vụ sản xuất, điện sinh hoạt, trường học, trạm y tế và hạ tầng các khu tái định cư.

Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, ứng dụng khoa học kỹ thuật, phát triển các mô hình kinh tế hợp tác xã, chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm; chú trọng phát triển kinh tế dưới tán rừng, bảo vệ hệ sinh thái và bảo tồn các giá trị văn hóa bản địa gắn với phát triển du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng.

3.3. Phát triển toàn diện nguồn nhân lực, giáo dục, y tế và nâng cao chất lượng đời sống văn hóa - xã hội

Nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số; củng cố hệ thống trường phổ thông dân tộc bán trú; đẩy mạnh công tác phân luồng, đào tạo nghề gắn với nhu cầu thực tiễn của thị trường lao động và giải quyết việc làm tại chỗ hoặc đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng.

Nâng cao năng lực hệ thống y tế cơ sở, thực hiện tốt các chương trình chăm sóc sức khỏe ban đầu, cải thiện tình trạng dinh dưỡng, giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi; thực hiện đồng bộ các giải pháp về công tác dân số và phát triển.

Gìn giữ, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc trên địa bàn; kiên quyết đấu tranh xóa bỏ các hủ tục, tập quán lạc hậu; thực hiện hiệu quả công tác bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em.

3.4. Củng cố vững chắc quốc phòng - an ninh, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội từ cơ sở

Xây dựng và củng cố vững chắc nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân và "thế trận lòng dân" tại địa bàn miền núi trọng điểm; tăng cường công tác nắm tình hình, giải quyết kịp thời, thấu đáo các mâu thuẫn, tranh chấp phát sinh ngay từ cơ sở, tuyệt đối không để hình thành các "điểm nóng" phức tạp.

Đẩy mạnh phong trào "Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc", nhân rộng các mô hình tự quản về an ninh trật tự, ứng dụng công nghệ số trong quản lý địa bàn và đấu tranh phòng, chống tội phạm.

3.5. Nâng cao năng lực quản lý nhà nước, đẩy mạnh cải cách hành chính và chuyển đổi số trong công tác dân tộc

Tiếp tục rà soát, kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực chuyên môn, đạo đức công vụ và tác phong lề lối làm việc của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức hệ thống chính trị cơ sở, đặc biệt chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số có đủ phẩm chất và năng lực.

Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng chuyển đổi số toàn diện trong quản lý điều hành, thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến, xây dựng chính quyền điện tử phục vụ người dân ngày càng minh bạch, hiệu quả và chuyên nghiệp.

VI. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT (không có)

Trên đây là báo cáo tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX và Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về công tác dân tộc trên địa bàn xã. UBND xã Trà Bồng kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Đảng ủy, TT HĐND xã;
- CT, các PCT UBND xã;
- Phòng Văn hóa - Xã hội;
- VP HĐND và UBND xã;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đỗ Khắc Phi

BIỂU TỔNG HỢP MỘT SỐ THÔNG TIN, SỐ LIỆU CƠ BẢN VỀ DÂN TỘC THIỂU SỐ

(Số liệu lũy kế đến năm 2026 của xã Trà Bồng)

TT	Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Đơn vị tính	Ghi chú
1	Dân số DTTS	9.248	50,64	Người	
2	Hộ nghèo DTTS	113	78,47%	Hộ	<i>(tỷ lệ trên tổng số hộ nghèo/cận nghèo)</i>
3	Tốc độ giảm nghèo bình quân hàng năm	-	3,0 - 4,0%	%	Theo chỉ tiêu giai đoạn
4	Đảng viên người DTTS/tổng số đảng viên	339/992	34,17%	Đảng viên	Theo số liệu thực tế tại Đảng bộ xã
5	Tổng số thôn đặc biệt khó khăn	3	23,07%	Thôn	
6	Tốc độ tăng trưởng GRDP/Kinh tế địa phương			%	
7	Thu nhập bình quân đầu người (chung toàn tỉnh)		-	vnd/người/tháng	
8	Thu nhập bình quân đầu người DTTS		-	vnd/người/tháng	
9	Xóa nhà tạm, nhà dột nát	0	%	Căn	
10	Giải quyết tình trạng thiếu đất ở	0	%	Hộ	Đã đạt và đang duy trì theo chuẩn NTM và Tiêu chí vùng đồng bào DTTS
11	Giải quyết tình trạng thiếu nhà ở	0	%	Hộ	Đã đạt và đang duy trì theo chuẩn NTM và Tiêu chí vùng đồng bào

					DTTS
12	Giải quyết tình trạng thiếu đất sản xuất	0	%	Hộ	Đã đạt và đang duy trì theo chuẩn NTM và Tiêu chí vùng đồng bào DTTS
13	Hỗ trợ nước sinh hoạt	0	%	Hộ	
14	Đường giao thông đến xã được cứng hóa		53,85%	Km	Đường ô tô từ trung tâm xã đến các thôn được cứng hóa
15	Sử dụng điện lưới quốc gia	2.113	100%	Hộ	
16	Sử dụng nước sạch hợp vệ sinh	8.786	95%	Người	
17	Kết quả phổ cập giáo dục	Đạt chuẩn phổ cập giáo dục	100%	Cấp học	Theo QĐ 269-QĐ/UBND của UBND tỉnh
18	Kết quả dạy chữ, tiếng DTTS trên địa bàn	65	0,72%	Người	Gắn với công tác bảo tồn văn hóa truyền thống
19	Xóa mù chữ	Đạt mức độ 2	-		Theo QĐ 269-QĐ/UBND của UBND tỉnh
20	Bảo hiểm y tế	9.248	100%	Người	100% người DTTS và hộ nghèo được cấp thẻ BHYT miễn phí
21	Cơ sở khám chữa bệnh đạt chuẩn	1/1	100	Cơ sở	Trạm y tế xã đạt chuẩn quốc gia theo quy định
22	Suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi		14,71	Trẻ em	Tỷ lệ giảm dần theo mục tiêu kế hoạch
23	Phụ nữ DTTS được khám thai định kỳ	96		Phụ nữ	

24	Tỷ lệ người DTTS được xem truyền hình/ nghe đài TNVN	9.248	100%	Người	
25	Lao động DTTS trong độ tuổi có nhu cầu chuyển đổi nghề được đào tạo	2.312	50%	Người	Đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm tại chỗ và xuất khẩu lao động
26	Số lượng công chức người DTTS/ tổng số	13	0,56%	Người	